

Số: 608/QĐ-TANDTC-KHTC

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng  
sử dụng nguồn vốn đầu tư công thuộc Hệ thống Tòa án nhân dân**

**CHÁNH ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

- Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 62/2014/QH13 ngày 24/11/2014;*  
*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;*  
*Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH13 ngày 13/6/2019;*  
*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;*  
*Căn cứ Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;*  
*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;*  
*Căn cứ Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về việc điều chỉnh, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;*  
*Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;*  
*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;*  
*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;*  
*Căn cứ Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009;*  
*Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013;*  
*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;*  
*Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 21/11/2017;*  
*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*  
*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng, Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 676/2016/QĐ-TANDTC-KHTC ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao về việc phân cấp quản lý Ngân sách nhà nước và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trụ sở làm việc Tòa án nhân dân địa phương;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch-Tài chính,


**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn đầu tư công thuộc hệ thống Tòa án nhân dân”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh văn phòng Tòa án nhân dân tối cao, Cục trưởng Cục Kế hoạch-Tài chính, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, chủ đầu tư các dự án đầu tư thuộc hệ thống Tòa án nhân dân và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

*Nơi nhận:* 

- Như Điều 2;
  - Đ/c Chánh án TANDTC (để báo cáo);
  - Các Phó Chánh án TANDTC (để phối hợp);
  - Lưu VP, VTKHTC.
- 

**KT. CHÁNH ÁN  
PHÓ CHÁNH ÁN**



**Nguyễn Văn Đu**





**Một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn đầu tư công thuộc hệ thống Tòa án nhân dân**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 608/QĐ-TANDTC-KHTC ngày 31/12/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn đầu tư công thuộc hệ thống Tòa án nhân dân.
2. Đối tượng áp dụng: Tòa án nhân dân các cấp, chủ đầu tư, cá nhân tham gia hoạt động quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản thuộc hệ thống Tòa án nhân dân.

**Điều 2. Nguyên tắc quản lý dự án đầu tư xây dựng**

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.
2. Phù hợp với kế hoạch đầu tư công dài hạn, trung hạn, hàng năm của hệ thống Tòa án nhân dân và phù hợp với quy hoạch chung hoặc quy hoạch chi tiết của địa phương.
3. Thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.
4. Quản lý việc sử dụng vốn đầu tư công theo đúng quy định; bảo đảm đầu tư tập trung, đồng bộ, chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả và khả năng cân đối nguồn lực; không để thất thoát, lãng phí.
5. Bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động đầu tư xây dựng.

**Điều 3. Cơ quan chuyên môn về đầu tư xây dựng của hệ thống Tòa án nhân dân**

Cục Kế hoạch-Tài chính Tòa án nhân dân tối cao là cơ quan chuyên môn về đầu tư xây dựng của hệ thống Tòa án nhân dân, có trách nhiệm hướng dẫn các thủ tục quản lý đầu tư xây dựng và chủ trì thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế-kỹ thuật, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng công trình và quyết toán dự án hoàn thành.

**Điều 4. Trình tự triển khai thực hiện dự án**

1. Chuẩn bị dự án:
  - a) Lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (dự án nhóm B, nhóm C);
  - b) Thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án;
  - c) Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật;
  - d) Thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

2. Thực hiện đầu tư:

a) Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư và giải phóng mặt bằng; giao đất để thực hiện dự án;

b) Lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng công trình;

c) Lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án;

d) Thi công xây dựng, lắp đặt trang thiết bị công trình.

3. Kết thúc xây dựng đưa công trình vào khai thác sử dụng: Quyết toán dự án hoàn thành, thực hiện bảo hành công trình, bàn giao cho đơn vị sử dụng (nếu có) và quản lý tài sản hình thành sau đầu tư.

## **Chương II** **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 5. Giao cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị dự án**

Người quyết định đầu tư xem xét, quyết định giao cơ quan, đơn vị cấp dưới chuẩn bị dự án trên cơ sở đề xuất của thủ trưởng cơ quan, đơn vị (nơi có dự án triển khai), cụ thể:

1. Đối với dự án do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định đầu tư (dự án nhóm B) thì Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Tòa án nhân dân tối cao, đơn vị trực thuộc Tòa án nhân dân tối cao (nơi có dự án triển khai) là đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị dự án.

2. Đối với dự án do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư (dự án nhóm C) thì Tòa án nhân dân cấp tỉnh hoặc Tòa án nhân dân cấp huyện (nơi có dự án triển khai) là đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị dự án.

### **Điều 6. Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án**

1. Quy trình thực hiện.

Theo quy định tại Điều 26 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 cụ thể:

a) Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án theo quy định tại Điều 5 của Quy định này tổ chức lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (thông qua Cục Kế hoạch-Tài chính) để thẩm định, phê duyệt.

b) Cục Kế hoạch-Tài chính Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có chức năng liên quan để thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

c) Căn cứ ý kiến thẩm định quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm các nội dung: mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện, dự kiến kế hoạch bố trí vốn.



2. Đối với trường hợp phải điều chỉnh chủ trương đầu tư được thực hiện theo Điều 34, Điều 43 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và Điều 11 Nghị định 40/2020/NĐ-CP.

**Điều 7. Chủ đầu tư dự án, Tổ giúp việc của chủ đầu tư**

1. Chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án đầu tư công theo quy định tại khoản 6, Điều 4, Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14. Việc giao chủ đầu tư dự án thuộc thẩm quyền của người quyết định đầu tư, cụ thể:

a) Đối với dự án do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định đầu tư thì Tòa án nhân dân cấp tỉnh, đơn vị trực thuộc Tòa án nhân dân tối cao (nơi có dự án triển khai) là chủ đầu tư dự án.

b) Đối với dự án do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư thì Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh xem xét giao cho đơn vị trực thuộc có kinh nghiệm làm chủ đầu tư dự án.

c) Trường hợp khác do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định.

2. Tổ giúp việc của chủ đầu tư (sau đây gọi là Tổ giúp việc) được thành lập để giúp việc cho chủ đầu tư trong công tác quản lý, thanh toán vốn đầu tư công và các nhiệm vụ khác liên quan. Các thành viên của Tổ giúp việc là cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị được giao làm chủ đầu tư, hoạt động kiêm nhiệm; ngoài ra có thể bổ sung cán bộ hợp đồng chuyên môn về quản lý dự án, cụ thể:

a) Tổ giúp việc gồm:

- Tổ trưởng: là lãnh đạo cơ quan, đơn vị hoặc Chánh Văn phòng;

- Kế toán trưởng dự án: là kế toán cơ quan, đơn vị (phải có quyết định giao Kế toán trưởng dự án của chủ đầu tư);

- Thành viên gồm: Thủ trưởng đơn vị thụ hưởng (đối với các dự án phân cấp), công chức Văn phòng, nhân viên hợp đồng có chuyên môn về quản lý dự án đầu tư xây dựng (nếu có).

b) Chi phí cho hoạt động của Tổ giúp việc nằm trong chi phí quản lý dự án đầu tư xây dựng. Tổ giúp việc được phép chi các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 30, Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

c) Tổ giúp việc tự giải thể khi kết thúc dự án.

**Điều 8. Đăng ký mã số đơn vị quan hệ ngân sách và mở tài khoản thanh toán dự án đầu tư công**

1. Đăng ký mã số đơn vị quan hệ ngân sách cho dự án đầu tư

Sau khi phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc dự án đầu tư, chủ đầu tư thực hiện việc đăng ký mã số quan hệ ngân sách cho dự án đầu tư.

2. Mở tài khoản thanh toán

Sau khi được cấp mã số quan hệ ngân sách, Chủ đầu tư mở tài khoản thanh toán tại Kho bạc Nhà nước theo đúng quy định của Bộ Tài chính.

## **Điều 9. Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi**

### 1. Quy trình thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi

a) Chủ đầu tư hoặc cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đồng thời trình Cục Kế hoạch-Tài chính và cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại điểm a, b, Khoản 1, Điều 13, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

b) Cục Kế hoạch-Tài chính có trách nhiệm chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi và tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại khoản 14 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14.

c) Người quyết định đầu tư căn cứ theo báo cáo thẩm định, thông báo kết quả thẩm định của Cục Kế hoạch-Tài chính để phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi.

### 2. Điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi.

a) Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công được điều chỉnh theo các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 61 của Luật Xây dựng năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 và khoản 64 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14.

b) Các trường hợp phải thẩm định lại tại cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp quy định tại Khoản 2, Điều 19, Nghị định 15/2021/NĐ-CP.

c) Trường hợp điều chỉnh dự án làm thay đổi nhóm dự án hoặc cấp công trình xây dựng của dự án, thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh được xác định theo thẩm quyền của nhóm dự án, cấp công trình sau điều chỉnh.

d) Trình tự thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại khoản 1 Điều này.

### 3. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi

a) Hồ sơ trình thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng được quy định cụ thể tại Điều 14, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

b) Hồ sơ trình thẩm định tại Cục Kế hoạch-Tài chính được quy định cụ thể tại Phụ lục số 01/QLĐT đính kèm Quy định này.

## **Điều 10. Thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế-kỹ thuật**

Cục Kế hoạch-Tài chính chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 14, Điều 1, Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 đối với các dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng.

### 1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công.

b) Chủ đầu tư gửi hồ sơ trình thẩm định báo cáo kinh tế-kỹ thuật cho Cục Kế hoạch-Tài chính để tổ chức thẩm định.

c) Kết quả thẩm định của Cục Kế hoạch-Tài chính là cơ sở để chủ đầu tư trình người quyết định đầu tư phê duyệt báo cáo kinh tế-kỹ thuật theo phân cấp.

### 2. Hồ sơ trình thẩm định báo cáo kinh tế-kỹ thuật



Hồ sơ trình thẩm định báo cáo kinh tế-kỹ thuật được quy định tại khoản 5, Điều 12, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và được cụ thể tại Phụ lục số 02/QLĐT đính kèm Quy định này.

3. Chi phí thẩm định báo cáo kinh tế-kỹ thuật được tính trong tổng mức đầu tư của dự án và được xác định theo quy định của Bộ Xây dựng.

**Điều 11. Thẩm định, phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở**

1. Quy trình thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở thực hiện theo quy định tại Điều 35, 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ, cụ thể:

a) Chủ đầu tư trình thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở tại cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp quy định tại điểm a, b, Khoản 1, Điều 36, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

b) Sau khi có kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn, chủ đầu tư trình Cục Kế hoạch-Tài chính chủ trì thẩm định các nội dung theo quy định tại khoản 24, 25, Điều 1 của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14.

c) Trên cơ sở thông báo kết quả thẩm định của Cục Kế hoạch-Tài chính, chủ đầu tư tiến hành phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo.

2. Hồ sơ trình thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở

a) Hồ sơ trình thẩm định cơ quan chuyên môn về xây dựng được quy định cụ thể tại Điều 37, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

b) Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở theo Phụ lục số 03/QLĐT đính kèm quy định này.

**Điều 12. Thẩm định, phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư và trước khi phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở.**

1. Thẩm định, phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu các công việc thực hiện giai đoạn chuẩn bị dự án

a) Chủ đầu tư hoặc cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án lựa chọn tổ chức, cá nhân có chuyên môn, năng lực phù hợp chủ trì thẩm định, trình chủ đầu tư, thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 37, Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 và Khoản 2, Điều 10, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP.

b) Dự toán chi phí các công việc nêu trên được thẩm định, tổng hợp tại quyết định phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng công trình.

2. Thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí các công việc chuẩn bị lập thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở



a) Chủ đầu tư lựa chọn tổ chức, cá nhân có chuyên môn, năng lực phù hợp chủ trì thẩm định, trình chủ đầu tư phê duyệt dự toán các công việc chuẩn bị để lập thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định tại Khoản 2, Điều 14, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP.

b) Dự toán chi phí các công việc nêu trên được thẩm định, tổng hợp tại quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình.

**Điều 13. Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở.**

1. Chủ đầu tư được quyết định việc điều chỉnh thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở nhằm đáp ứng hiệu quả, yêu cầu sử dụng khi không làm thay đổi về mục đích, công năng, quy mô, kiến trúc công trình và các chỉ tiêu quy hoạch đã được phê duyệt. Các trường hợp khác phải báo cáo Tòa án nhân dân tối cao (thông qua Cục Kế hoạch-Tài chính) xem xét, chấp thuận.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định, kiểm soát thiết kế xây dựng đối với các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 24 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14.

**Điều 14. Trình tự lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng**

1. Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

a) Trên cơ sở tổng dự toán được phê duyệt, chủ đầu tư tổ chức lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản pháp luật liên quan trình Người quyết định đầu tư phê duyệt.

b) Việc phân chia dự án thành các gói thầu phải căn cứ theo tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện; bảo đảm tính đồng bộ của dự án và quy mô gói thầu hợp lý. Nghiêm cấm việc phân chia gói thầu với mục đích chỉ định thầu hoặc hạn chế sự tham gia của các nhà thầu.

c) Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trừ kế hoạch lựa chọn nhà thầu ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

2. Tổ chức lựa chọn nhà thầu

a) Căn cứ kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu tuân theo đúng các nội dung nêu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu bao gồm: *Tên gói thầu; Giá gói thầu; Nguồn vốn; Hình thức lựa chọn nhà thầu; Phương thức lựa chọn nhà thầu; Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu; Loại hợp đồng; Thời gian thực hiện hợp đồng.*

b) Mọi thay đổi, điều chỉnh nội dung trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải được sự chấp thuận của Người quyết định đầu tư trừ nội dung về giá gói thầu được quy định cụ thể tại khoản 2, Điều 117, Nghị định 63/2014/NĐ-CP.

**Điều 15. Ủy quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án không phân cấp**

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ủy quyền cho Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh được phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu phục vụ việc lập thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở.

**Điều 16. Quản lý chất lượng công trình của chủ đầu tư**

1. Trách nhiệm quản lý chất lượng công trình của chủ đầu tư được quy định cụ thể tại Điều 14, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, trong đó cần chú ý:

a) Bàn giao mặt bằng cho nhà thầu thi công xây dựng phù hợp với tiến độ thi công xây dựng công trình và quy định của hợp đồng xây dựng.

b) Kiểm tra các điều kiện khởi công công trình xây dựng theo quy định tại khoản 39 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14. Thực hiện việc thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

c) Kiểm tra, chấp thuận tiến độ thi công tổng thể và chi tiết các hạng mục công trình do nhà thầu lập đảm bảo phù hợp tiến độ thi công đã được duyệt. Điều chỉnh tiến độ thi công xây dựng khi cần thiết theo quy định của hợp đồng xây dựng.

d) Kiểm tra, xác nhận khối lượng đã được nghiệm thu theo quy định và khối lượng phát sinh theo quy định của hợp đồng xây dựng (nếu có).

e) Tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng.

g) Tạm dừng hoặc đình chỉ thi công đối với nhà thầu thi công xây dựng khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn, vi phạm các quy định về quản lý an toàn lao động làm xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động.

h) Chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong thi công xây dựng công trình; khai báo, xử lý và khắc phục hậu quả khi xảy ra sự cố công trình xây dựng, sự cố gây mất an toàn lao động; phối hợp với cơ quan có thẩm quyền giải quyết sự cố công trình xây dựng, điều tra sự cố về máy, thiết bị theo quy định.

i) Tổ chức thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

k) Lập báo cáo gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng để thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định.

**Điều 17. Quyết toán dự án hoàn thành**

1. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

a) Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án không phân cấp.



b) Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án phân cấp.

2. Các dự án đầu tư xây dựng trong hệ thống Tòa án nhân dân phải thực hiện kiểm toán độc lập trước khi thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Trường hợp dự án đã thực hiện kiểm toán nhà nước thì có thể không thực hiện kiểm toán độc lập.

**Điều 18. Tổ thẩm tra phê duyệt quyết toán của Người quyết định đầu tư**

1. Đối với dự án không phân cấp: Cục trưởng Cục Kế hoạch-Tài chính thành lập Tổ thẩm tra phê duyệt quyết toán một hoặc nhiều dự án theo hướng dẫn tại Quy chế quản lý, sử dụng chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc hệ thống Tòa án nhân dân.

2. Đối với các dự án phân cấp: Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh thành lập Tổ thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án do mình quản lý. Thành phần của Tổ thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án gồm cán bộ, công chức kiêm nhiệm của đơn vị và cá nhân đại diện cho các tổ chức, cơ quan liên quan (trong trường hợp cần thiết).

3. Nội dung thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án được quy định cụ thể tại Điều 36, Điều 37, Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

4. Chi phí cho công tác thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành được thực hiện theo quy định tại Điều 46, Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và Quyết định số 180/QĐ-TANDTC-KHTC ngày 30/6/2021 của Tòa án nhân dân tối cao về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc hệ thống Tòa án nhân dân.

**Điều 19. Quản lý tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản**

1. Tài sản là đất: Căn cứ xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của cơ quan, đơn vị là diện tích đất và giá đất, áp dụng theo quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 101 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

2. Tài sản là nhà

a) Cấp nhà: Xác định theo cấp công trình được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

b) Năm xây dựng và năm đưa vào sử dụng:

- Năm xây dựng: Năm bắt đầu thực hiện xây dựng trụ sở;

- Năm đưa vào sử dụng: Năm hoàn thành xây dựng, bàn giao đưa vào sử dụng (xác định theo Biên bản nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng).

c) Giá trị nhà: Nguyên giá theo sổ sách kế toán áp dụng theo Điểm b Khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/05/2018 của Bộ Tài chính.

Trường hợp Nhà đã đưa vào sử dụng (do đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng) nhưng chưa có quyết toán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì cơ quan, đơn vị ghi sổ vào hạch toán kế toán tài sản cố định kể từ ngày có Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng. Nguyên giá ghi sổ kế toán là giá tạm tính. Nguyên giá tạm tính trong trường hợp này được lựa chọn theo thứ tự yêu tiên sau:

- + Giá trị đề nghị quyết toán;
- + Giá trị xác định theo Biên bản nghiệm thu A-B;
- + Giá trị dự toán Dự án đã được phê duyệt.

Khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, đơn vị thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá tạm tính trên sổ kế toán theo giá trị quyết toán được duyệt, đồng thời xác định lại các chỉ tiêu giá trị còn lại, số hao mòn lũy kế của tài sản cố định để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện kế toán theo quy định.

2. Đối với tài sản là máy móc, thiết bị và tài sản cố định hữu hình khác hình thành từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 4 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính.

a) Năm sản xuất và năm đưa vào sử dụng

- Năm sản xuất: Năm sản xuất theo hồ sơ do nhà sản xuất đăng ký.
- Năm đưa vào sử dụng: Năm tài sản được kê khai hoặc được đưa vào sử dụng lần đầu (xác định theo Biên bản nghiệm thu, bàn giao hàng hóa hoặc Quyết định cấp).

3. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình: Việc xác định nguyên giá tài sản cố định do theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 4 áp dụng theo quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 7 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính.

4. Đối với tài sản là phần mềm ứng dụng và tài sản cố định vô hình khác được hình thành từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính

a) Năm sản xuất và năm đưa vào sử dụng

- Năm sản xuất: Năm sản xuất theo hồ sơ do nhà sản xuất đăng ký.
- Năm đưa vào sử dụng: Năm tài sản được kê khai hoặc được đưa vào sử dụng lần đầu (xác định theo Biên bản nghiệm thu, bàn giao hàng hóa hoặc Quyết định cấp).

b) Nguyên giá tài sản là phần mềm ứng dụng và tài sản cố định vô hình khác hình thành từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản là toàn bộ chi phí được tính trong vốn đầu tư dự án mà cơ quan, đơn vị đã chi ra để mua sắm, lắp đặt các tài sản cố định vô hình đó.



## **Điều 20. Chế độ kế toán chủ đầu tư các dự án thuộc hệ thống Tòa án nhân dân**

1. Chủ đầu tư các dự án thuộc hệ thống Tòa án nhân dân phải mở sổ kế toán theo dõi riêng đối với từng dự án do đơn vị mình quản lý trên cùng hệ thống sổ sách kế toán của đơn vị.

2. Chế độ kế toán chủ đầu tư thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

## **Chương IV CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

### **Điều 21. Báo cáo tình hình thực hiện**

1. Chủ đầu tư hoặc cơ quan, đơn vị được giao chuẩn bị dự án có trách nhiệm thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư và Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/12/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về mẫu báo cáo đánh giá và giám sát đầu tư, cụ thể:

a) Đối với các dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng chưa phê duyệt dự án đầu tư, đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án thực hiện các báo cáo sau:

- Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ: Quý I, 6 tháng, quý III và năm (mẫu số 3);
- Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi trình quyết định đầu tư dự án (mẫu số 2).

b) Đối với các dự án trong giai đoạn thực hiện dự án, Chủ đầu tư thực hiện các báo cáo sau:

- Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ: Quý I, 6 tháng, quý III và năm (mẫu số 3);
- Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi khởi công dự án (mẫu số 2);
- Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi điều chỉnh dự án (nếu có) (mẫu số 4);
- Báo cáo tổng hợp công tác giám sát, đánh giá hàng năm dự án đầu tư (mẫu số 1);

c) Đối với các dự án hoàn thành trong năm kế hoạch, Chủ đầu tư thực hiện:

- Báo cáo giám sát, đánh giá kết thúc dự án (mẫu số 5);

d) Đối với các dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào vận hành, sử dụng trong năm kế hoạch, Chủ đầu tư thực hiện báo cáo sau:

- Báo cáo giám sát, đánh giá tình hình khai thác, vận hành dự án hàng năm trong thời gian từ khi đưa dự án vào khai thác, vận hành đến khi có Báo cáo đánh giá tác động dự án (mẫu số 6);

- Báo cáo đánh giá tác động dự án.

Các mẫu báo cáo được hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục mẫu các loại báo cáo đính kèm Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/12/2020.

2. Chủ đầu tư, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án báo cáo trực tiếp theo yêu cầu của Tòa án nhân dân tối cao về tình hình, tiến độ triển khai dự án.

**Điều 22. Báo cáo và cam kết giải ngân**

1. Đến ngày 01 hàng tháng, chủ đầu tư hoặc cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án báo cáo giá trị khối lượng hoàn thành, lũy kế giải ngân vốn đầu tư năm kế hoạch và vốn đầu tư được kéo dài (nếu có) gửi về Tòa án nhân dân tối cao (thông qua Cục Kế hoạch-Tài chính) để tổng hợp.

2. Sau khi có quyết định phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm, chủ đầu tư, đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cam kết thực hiện giải ngân vốn đầu tư của năm kế hoạch và vốn đầu tư được kéo dài (nếu có) bằng văn bản gửi Tòa án nhân dân tối cao (thông qua Cục Kế hoạch-Tài chính).

3. Mẫu biểu báo cáo giải ngân hàng tháng và cam kết giải ngân theo Phụ lục số 04/QLĐT và Phụ lục số 05/QLĐT kèm theo quy định này.

**Điều 23. Báo cáo tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn đầu tư xây dựng**

1. Các tài sản được hình thành từ nguồn vốn đầu tư xây dựng được tổng hợp vào báo cáo quản lý tài sản hàng năm theo quy định.

2. Đối với các trường hợp được đầu tư xây dựng mới: Khi quyết toán công trình được phê duyệt, các đơn vị lập báo cáo kê khai theo các mẫu số 01, 02, 03/QLTS, kèm theo Quy định này gửi về Tòa án nhân dân tối cao (thông qua Cục Kế hoạch – Tài chính) để tổng hợp chung.

**Chương IV**  
**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 24. Quy định chuyển tiếp**

Xử lý thủ tục thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế công trình, dự toán xây dựng công trình đến thời điểm Quy định này có hiệu lực như sau:

1. Đối với báo cáo nghiên cứu khả thi chủ đầu tư đã hoàn thành thủ tục thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng nhưng chưa phê duyệt, chủ đầu tư trình Cục Kế hoạch-Tài chính thẩm định theo quy định tại Điều 9 của quy định này.

2. Đối với hồ sơ thiết kế, dự toán triển khai sau thiết kế cơ sở chủ đầu tư đã hoàn thành thủ tục thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng nhưng chưa phê duyệt, chủ đầu tư trình Cục Kế hoạch-Tài chính thẩm định theo quy định tại Điều 11 của quy định này.



**Điều 25. Điều khoản thi hành**

1. Tòa án nhân dân các cấp, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc Tòa án nhân dân tối cao, chủ đầu tư, cá nhân tham gia hoạt động quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản thuộc hệ thống Tòa án nhân dân có trách nhiệm thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư công theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và các nội dung được quy định tại Quy định này.

2. Quy định này tổng hợp, điều chỉnh, bổ sung các nội dung đã triển khai trong các hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao về công tác quản lý đầu tư và quản lý, sử dụng, báo cáo tài sản hàng năm của các đơn vị thuộc hệ thống Tòa án nhân dân (Công văn số 208/TANDTC-KHTC ngày 8/7/2019). Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu cơ quan nhà nước cấp trên ban hành văn bản có quy định khác nội dung Quy định này, thực hiện theo văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ban hành./.

**DANH MỤC HỒ SƠ TRÌNH PHÊ DUYỆT  
BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI**

*(Gửi kèm Quyết định số: 608/TANDTC-KHTC ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân tối cao)*

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
1	Tờ trình phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chủ đầu tư	
2	Báo cáo nghiên cứu khả thi	
3	Thuyết minh thiết kế cơ sở	
4	Bản vẽ thiết kế cơ sở	
5	Bảng khái toán tổng mức dự án	
6	Báo cáo thẩm tra dự án	
7	Báo cáo khảo sát địa chất	
8	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, hồ sơ năng lực đơn vị tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	
9	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, hồ sơ năng lực đơn vị tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	
10	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, hồ sơ năng lực đơn vị khảo sát địa chất	
11	Văn bản thỏa thuận cấp điện, cấp nước, thoát nước thải, đấu nối giao thông, các văn bản thỏa thuận về kết nối hạ tầng khác (nếu có);	
12	Văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (nếu có);	
13	Kết quả thẩm định đối với dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa;	
14	Văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy;	
15	Kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;	
16	Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của cơ quan chuyên môn về xây dựng;	
17	Bảng tiến độ tổ chức triển khai thực hiện dự án	
18	Quyết định thành lập Tổ giúp việc của dự án.	
19	Các file mềm bản vẽ, thuyết minh, dự toán	



**DANH MỤC HỒ SƠ TRÌNH PHÊ DUYỆT  
BÁO CÁO KINH TẾ-KỸ THUẬT**

*(Gửi kèm Quyết định số: 608/TANDTC-KHTC ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân tối cao)*

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
1	Tờ trình phê duyệt Báo cáo kinh tế-kỹ thuật	
2	Báo cáo kinh tế-kỹ thuật	
3	Thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công	
4	Bản vẽ thiết kế thi công	Đã thẩm tra
5	Dự toán thiết kế bản vẽ thi công	Đã thẩm tra
6	Báo cáo thẩm tra báo cáo kinh tế-kỹ thuật	
7	Báo cáo khảo sát địa chất	
8	Báo cáo đánh giá khả năng chịu lực của công trình cũ (nếu có)	
9	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, hồ sơ năng lực đơn vị tư vấn lập Báo cáo kinh tế-kỹ thuật	
10	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, hồ sơ năng lực đơn vị tư vấn thẩm tra Báo cáo kinh tế-kỹ thuật	
11	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, hồ sơ năng lực đơn vị khảo sát địa chất	
12	Văn bản thỏa thuận cấp điện, cấp nước, thoát nước thải, đấu nối giao thông, các văn bản thỏa thuận về kết nối hạ tầng khác (nếu có);	
13	Văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (nếu có); Văn bản đồng ý về điều chỉnh quy hoạch dự án (trường hợp cải tạo, mở rộng phải điều chỉnh quy hoạch)	
14	Kết quả thẩm định đối với dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa (nếu có);	
15	Văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy;	
17	Kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;	
18	Bảng tiến độ tổ chức triển khai thực hiện dự án	
19	Quyết định thành lập Tổ giúp việc của dự án.	
20	Chứng thư thẩm định giá đối với vật liệu, thiết bị không có trong Thông báo giá của địa phương tại thời điểm triển khai dự án	
21	File mềm bản vẽ thiết kế thi công, dự toán	

**DANH MỤC HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH  
THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ**

*(Gửi kèm Quyết định số: 608/TANDTC-KHTC ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân tối cao)*

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
1	Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của Chủ đầu tư	Mẫu số 04-Nghị định 15/2021/NĐ-CP
2	Thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công	
3	Bản vẽ thiết kế thi công	
4	Dự toán thiết kế bản vẽ thi công	Đã thẩm tra
5	Báo cáo thẩm tra thiết kế, dự toán bản vẽ thi công	Đã thẩm tra
6	Nhiệm vụ thiết kế	
7	Thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng;	
8	Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC của Công an địa phương theo thẩm quyền	
9	Các file mềm bản vẽ, thuyết minh, dự toán	
10	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, hồ sơ năng lực đơn vị tư vấn thẩm tra thiết kế, dự toán bản vẽ thi công	



(Gửi kèm Quyết định số: 608/TANDTC-KHTC ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân tối cao)

**BÁO CÁO GIẢI NGÂN THÁNG ....***Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Vốn kế hoạch			Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề							Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng báo cáo		
		Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm	Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài		Thanh toán vốn kế hoạch năm			Tổng số	Trong đó		
						Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó			Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm	
							Thanh toán khối lượng hoàn thành		Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Thanh toán khối lượng hoàn thành				Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi
1	2	3=4+6	4	5	7=8+11	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16
1	Tòa án nhân dân thành phố/tỉnh													
2	Tòa án nhân dân Quận/Thị Xã/Huyện													
	.....													

**NGƯỜI QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ**  
(Đối với dự án phân cấp)

**CHỦ ĐẦU TƯ**

(Gửi kèm Quyết định số: 608/TANDTC-KHTC ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân tối cao)

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN, CAM KẾT GIẢI NGÂN VÀ ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH  
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM .....**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã Kho bạc mở TK giao dịch	Kế hoạch vốn đầu tư năm kế hoạch	Tổng giá trị khối lượng công tác đã hoàn thành, nghiem thu.	Cam kết giải ngân đến ngày 30/6/20...	Cam kết giải ngân đến ngày 30/9/20....	Cam kết giải ngân đến ngày 31/12/20....	Cam kết giải ngân đến ngày 31/01/20....	Đề xuất điều chỉnh Kế hoạch vốn năm .....		Ghi chú (lý do điều chỉnh)
										Tăng	Giảm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Tòa án nhân dân tỉnh...											
2	Tòa án nhân dân huyện...											
	.....											

Ghi chú: - Cam kết thực hiện đối với các dự án hoàn thành năm 20... theo Quyết định phê duyệt/điều chỉnh dự án.  
- Dành riêng cho các dự án nhóm C.

**NGƯỜI QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ**  
(Đối với dự án phân cấp)

**CHỦ ĐẦU TƯ**



TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CV-TA

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

**VĂN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỂ TÍNH VÀO GIÁ  
TRỊ TÀI SẢN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI TỈNH ....***(Gửi kèm Quyết định số: 608/TANDTC-KHTC ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân tối cao)*

Căn cứ Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số ..... của Ủy ban nhân dân tỉnh .... ban hành Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh ..... giai đoạn .....

Căn cứ Quyết định số ..... của Ủy ban nhân dân tỉnh .... về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất năm 20... trên địa bàn tỉnh .....

Tòa án nhân dân tỉnh .... thực hiện xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của Tòa án nhân dân tối cao tại tỉnh ..... như sau:

1. Địa chỉ cơ sở nhà, đất: ..... do Tòa án nhân dân .... quản lý, sử dụng.
2. Hồ sơ pháp lý về quyền sử dụng đất:
  - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của .... do Ủy ban nhân dân tỉnh .... cấp ngày .... tháng .... năm 20...;
  - Biên bản số ..... ngày .... giữa Sở Tài chính, Sở Tài nguyên – Môi trường và Tòa án nhân dân tỉnh ..... về việc xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của tổ chức;
  - Quyết định số .... ngày ..... và Công văn số .... ngày .... của Bộ Tài chính về việc xử lý nhà, đất của TAND tỉnh .....
  - Quyết định số .... ngày .... của Tòa án nhân dân tối cao về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Tòa án nhân dân tối cao trên địa bàn tỉnh ....
3. Loại đất: .....
4. Hình thức sử dụng đất: .....
5. Diện tích đất: ..... m<sup>2</sup>;
6. Giá đất:
  - + Vị trí số 01 có diện tích là ..... m<sup>2</sup>: ..... đồng/m<sup>2</sup>;
  - + Vị trí số 02 có diện tích là ..... m<sup>2</sup>: ..... đồng/m<sup>2</sup>.

...

7. Hệ số điều chỉnh giá đất: .....

8. Giá trị quyền sử dụng đất: ..... đồng.

Văn bản này được lập thành 02 bản, 01 bản gửi Bộ Tài chính, 01 bản lưu tại đơn vị.

**CHÁNH ÁN**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*



(Gửi kèm Quyết định số: 608/TANDTC-KHTC ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân tối cao)

**BÁO CÁO KÊ KHAI TÀI SẢN LÀ NHÀ, ĐẤT ĐƯỢC HÌNH THÀNH BẰNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN**

Tên đơn vị: .....(Ghi rõ tên đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng)

Địa chỉ: .....(Ghi rõ số nhà, đường (phố) hoặc thôn (xóm) của khuôn viên đất (Nếu một khuôn viên đất có nhiều số nhà thì kê khai địa chỉ chính), tên xã (phường), quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố)

**I. Tài sản là Đất:**a- Diện tích khuôn viên đất : ..... m<sup>2</sup>b- Hiện trạng sử dụng: Làm trụ sở làm việc: ..... m<sup>2</sup>

c- Giá trị theo sổ kế toán: ..... triệu đồng.

**II. Tài sản là Nhà:**

Tài sản	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Cấp hạng nhà	Số tầng	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )	Tổng diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Giá trị theo sổ sách kế toán (triệu đồng)				Hiện trạng sử dụng				Ghi chú		
							Nguyên giá			Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Sử dụng khác					
							Nguồn vốn đầu tư XDCB	Nguồn vốn ngân sách HCSN	Nguồn khác			Làm nhà công vụ	Cho thuê/mượn	Bỏ trống		Khác	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	B	
Nhà làm việc số 1																	
Nhà làm việc số 2																	
Nhà xét xử																	
Nhà bảo vệ																	
.....																	
<b>Tổng cộng</b>																	

**III- Các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng nhà, đất:**

- Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số ..... do Ủy ban nhân dân tỉnh ..... cấp ngày ..... tháng .... năm 20.... ;
- Biên bản nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng;
- Công văn hoặc Quyết định phê duyệt về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Tòa án nhân dân tối cao trên địa bàn tỉnh.... của Bộ Tài chính (nếu có);
- Quyết định phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Tòa án nhân dân tối cao trên địa bàn tỉnh.... của Tòa án nhân dân tối cao (nếu có).
- Giấy tờ khác:
- + Các giấy tờ pháp lý về đất, hồ sơ, bản vẽ thiết kế, bản vẽ hoàn công.
- + ...

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Gửi kèm Quyết định số: 608/TANDTC-KHTC ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân tối cao)

**BÁO CÁO KÊ KHAI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÔNG PHẢI LÀ NHÀ, ĐẤT  
ĐƯỢC HÌNH THÀNH BẰNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN**

STT	DANH MỤC TÀI SẢN	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	NGUYÊN GIÁ THEO SỔ SÁCH KẾ TOÁN (nghìn đồng)	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>				
1	Máy vi tính	bộ			
2	Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	chiếc			
3	Máy in	chiếc			
4	Máy photocopy	chiếc			
5	Tăng âm loa đài	bộ			
6	Máy chủ sever	bộ			
7	Máy fax	chiếc			
8	Máy scan	chiếc			
9	Máy chiếu	chiếc			
10	Máy điều hòa không khí	bộ			
11	Máy phát điện	chiếc			
12	Camera giám sát	bộ			
13	Cổng từ an ninh	bộ			
14	Giá tài liệu	cái			
15	Tủ tài liệu	cái			
16	Bàn ghế làm việc	bộ			
17	Bàn ghế phòng họp	bộ			
18	Bàn ghế xét xử	bộ			
19	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến khác...				
<b>B</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>				
1	Mạng tin học nội bộ				
2	Hệ thống truyền hình trực tuyến				
3	Các loại phần mềm ứng dụng				
4	Tài sản cố định vô hình khác				
<b>TỔNG CỘNG</b>					

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)